

Số: **09** /2024/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **06** tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 60/TTr-SXD ngày 26 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2024.

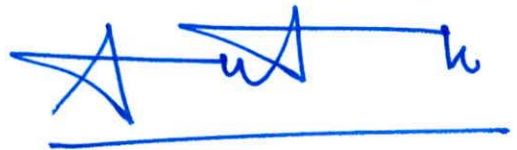
2. Quyết định này thay Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về việc bồi thường nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, TNMT, XD. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn

QUY ĐỊNH

Về bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Kèm theo Quyết định số **09** /2024/QĐ-UBND ngày **06** /8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Những nội dung không quy định trong Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất bị thu hồi, người sở hữu nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất bị thu hồi.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI THỰC TẾ VỀ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG KHÁC VÀ BỒI THƯỜNG CHI PHÍ DI CHUYỂN TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Quy định chung về nhà ở

1. Độ cao nhà

a) Đối với nhà mái lợp thì độ cao nhà là khoảng cách được tính từ mặt nền nhà đến trần nhà hoặc phía dưới thanh quá giang của vì kèo.

b) Chiều cao các tường của nhà mái lợp là khoảng cách được tính từ mặt nền đến mặt trên của 2 tường dọc nhà (không tính theo chiều cao thu hồi của tường nhà). Trường hợp chiều cao tường trong một căn nhà không đều nhau thì tính chiều cao trung bình.

c) Đối với nhà mái bằng thì độ cao tầng là khoảng cách giữa 2 sàn nhà được tính từ mặt sàn tầng dưới tới mặt trên của sàn tầng kế tiếp.

d) Chiều cao tầng 1 của nhà mái bằng là khoảng cách được tính từ mặt nền tầng 1 đến mặt trên của sàn tầng kế tiếp.

đ) Chiều cao tường của một tầng nhà mái bằng là khoảng cách được tính từ mặt nền đến mặt dưới của dầm sàn tầng kế tiếp, hoặc từ mặt trên của sàn tầng dưới tới mặt dưới dầm sàn tầng kế tiếp.

2. Diện tích nhà

a) Đối với nhà mái lợp thì diện tích xây dựng để tính bồi thường là diện tích tính theo các kích thước phủ bì của tường ngoài, dầm cột có mái che hoặc kích thước phủ bì kết cấu chịu lực chính của mái che.

c) Đối với nhà gỗ diện tích tính theo các kích thước phủ bì của dầm cột có mái che hoặc kích thước phủ bì kết cấu chịu lực chính của mái che phía trước nhà.

d) Đối với nhà mái bằng diện tích để tính bồi thường là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích phụ kèm theo).

đ) Diện tích hè rãnh xung quanh nhà, sân nô mái, nơi trồng cây xanh, cống thoát nước không được tính là diện tích xây dựng (những diện tích này được xác định theo bảng giá các kết cấu hoặc lập dự toán).

Điều 4. Quy định về đơn giá nhà ở

1. Đơn giá 1m^2 xây dựng mới của nhà ở và các công trình phụ trợ trong Bộ đơn giá là công trình có dạng kết cấu thường gặp, được xây dựng theo quy trình, công nghệ thi công phổ biến và sử dụng các loại vật liệu thuộc dạng thông dụng, phổ biến và được sử dụng đa số trong thực tế, lưu hành rộng rãi trên thị trường. Giá trị xây dựng mới của nhà, công trình được tính theo diện tích xây dựng của nhà, công trình nhân với đơn giá xây dựng của nhà, công trình trong Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường (sau đây gọi chung là Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường).

2. Trường hợp gặp dạng kết cấu khác biệt so với các quy định trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường hoặc sử dụng các loại vật liệu xây dựng đặc biệt thì Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng lập biên bản và dự toán riêng trình cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo phân cấp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

3. Đơn giá nhà áp dụng cho nhà có chiều cao $3,3\text{m} \leq h \leq 4\text{m}$. Đối với nhà có chiều cao $h > 4\text{m}$ được tính thêm khối lượng tường xây theo thực tế nhân với đơn giá trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

4. Nhà có chiều cao từ $2,5\text{m} < h < 3,3\text{m}$ sau khi tính bồi thường theo diện tích xây dựng hoặc diện tích sàn sẽ trừ đi khối lượng tường xây thiếu (So với chiều cao quy định) nhân với đơn giá Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

5. Nhà có chiều cao tầng $\leq 2,5\text{m}$ thì không tính bồi thường theo diện tích sàn hoặc m^2 xây dựng mà chỉ tính tổng giá trị các khối lượng xây lắp cấu thành, theo đơn giá quy định.

6. Nền nhà

a) Đối với nhà bồi thường hỗ trợ tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt thì nền nhà được tính bồi thường thực tế theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

b) Đối với nhà bồi thường, trong bộ đơn giá bồi thường nhà là nền bê tông gạch vỡ lát vữa xi măng. Khi thực hiện bồi thường nếu nền lát gạch xi măng hoa thì lấy đơn giá bồi thường gạch xi măng hoa (đã tính nền bê tông gạch vỡ) trừ đi đơn giá bồi thường nền bê tông gạch vỡ trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường. Khi thực hiện bồi thường nền lát gạch bằng gạch lát các loại thì được tính bổ sung vào giá nhà và trừ đi giá lát nền không đánh màu dày 3cm (trong đơn giá lát gạch các loại đã tính lát nền không đánh màu dày 3cm) trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

7. Cửa, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cấp, thoát nước trong nhà

a) Trong bộ đơn giá là cửa đi, cửa sổ gỗ nhóm III, IV, V, cửa nhôm kính các loại một lớp, không có khuôn, cửa sổ có hoa sắt. Khi nhà có sử dụng cửa 2 lớp và có khuôn gỗ thì được tính thêm bồi thường bằng 50% giá trị thực tế còn lại của lớp cửa trong và khuôn cửa.

b) Hệ thống điện chiếu sáng được bồi thường tính đơn giá theo m^2 nhà được bồi thường.

c) Về hệ thống cấp, thoát nước trong nhà đã được tính toán trong đơn giá nhà/ m^2 xây dựng.

Điều 5. Quy định nhà xây 1 tầng mái lợp

1. Quy định chung

a) Móng bằng xây gạch đặc, xây đá hộc, hoặc bê tông chiều rộng đáy móng $\leq 0,68\text{m}$, chiều sâu móng $\leq 1,2\text{m}$ có giằng móng bê tông cốt thép, đảm bảo chịu lực.

b) Tường xây gạch có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm vữa xi măng hoặc vữa tam hợp (chiều cao tường từ 3,3m đến 4m), có giằng tường bê tông cốt thép, tường trát vữa xi măng hoặc vữa tam hợp, quét vôi ve 3 nước (1 nước trắng 2 nước màu).

c) Mái lợp fibrô xi măng, mái ngói hoặc mái tôn. Vì kèo, xà gồ bằng gỗ nhóm IV, V hoặc bằng thép hình, không có trần.

2. Quy định bồi thường

a) Nhà xây 1 tầng mái lợp, tường xây gạch có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm được bồi thường theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

b) Đối với nhà xây 1 tầng mái lợp xây gạch không nung (gạch ba vanh) được tính bằng giá nhà xây gạch tường 110mm bổ trụ nhân với hệ số 0,92.

3. Đối với nhà có kết cấu mái đơn giản: Xà gồ, cầu phong bằng gỗ tạp, tre, vầu hoặc mái lợp cọ, lợp gianh được tính theo giá nhà xây 1 tầng mái lợp nhân với hệ số 0,97.

Điều 6. Quy định nhà xây kiên cố 1 tầng mái bằng tường chịu lực

1. Quy định chung

a) Móng xây gạch đặc hoặc đá hộc chiều rộng đáy móng $\leq 0,68\text{m}$, chiều sâu móng $\leq 1,5\text{m}$ có giằng móng bê tông cốt thép, đảm bảo chịu lực.

b) Tường xây gạch có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm vữa xi măng hoặc vữa tam hợp, (chiều cao tường từ 3,3m đến 4m), có giằng tường bê tông cốt thép, tường trát vữa xi măng hoặc vữa tam hợp, quét vôi ve 3 nước (1 nước trắng 2 nước màu).

c) Mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ đảm bảo chịu lực.

2. Quy định bồi thường

a) Nhà mái bằng tường xây gạch có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm được bồi thường theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

b) Đối với nhà kiên cố 1 tầng mái bằng tường chịu lực xây gạch không nung (gạch ba vanh) được tính bằng giá nhà xây gạch tường 110mm nhân với hệ số 0,92.

Điều 7. Quy định nhà xây kiên cố từ 2 tầng trở lên tường chịu lực

1. Quy định chung

a) Móng xây gạch đặc vữa xi măng chiều rộng đáy móng $\leq 0,8\text{m}$, chiều sâu móng $\leq 1,5\text{m}$ có giằng móng bê tông cốt thép, đảm bảo chịu lực.

b) Tường xây gạch, các tường chịu lực có chiều dày tường 220mm vữa xi măng hoặc vữa tam hợp (chiều cao tường từ 3,3m đến 4m), có giằng tường bê tông cốt thép, tường trát vữa xi măng hoặc vữa tam hợp, quét vôi ve 3 nước (1 nước trắng 2 nước màu).

c) Sàn, mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ đảm bảo chịu lực.

2. Quy định bồi thường

a) Diện tích để tính bồi thường bằng diện tích xây dựng tầng 1 cộng với diện tích sàn của các tầng còn lại.

b) Đơn giá từ tầng thứ 2 trở lên áp dụng như đơn giá tầng 1 nhân với hệ số 0,9. Đơn giá tầng trên cùng nếu mái lợp bằng fibrô xi măng, mái ngói hoặc mái tôn thì đơn giá phần diện tích tầng đó được áp dụng như nhà xây 1 tầng mái lợp nhân với hệ số 0,7.

Điều 8. Quy định nhà có kết cấu chịu lực khung bê tông cốt thép 1 tầng mái bằng

1. Quy định chung

a) Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây bằng gạch đặc hoặc đá hộc vữa xi măng chiều rộng đáy móng $\leq 0,68\text{m}$, chiều sâu móng $\leq 1,5\text{m}$ có giằng móng bê tông cốt thép, đảm bảo chịu lực.

b) Tường xây có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm vữa xi măng hoặc vữa tam hợp (chiều cao tường từ 3,3m đến 4m), có giằng tường bê tông cốt thép, tường trát vữa xi măng hoặc vữa tam hợp, quét vôi ve 3 nước (1 nước trắng 2 nước màu).

c) Khung bê tông cốt thép và sàn mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ, đảm bảo chịu lực.

2. Quy định bồi thường

a) Nhà khung bê tông cốt thép mái bằng tường xây gạch có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm được bồi thường theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

b) Nếu nhà mái bằng xây gạch không nung (gạch ba vanh) được tính bằng giá nhà xây gạch tường 110mm nhân với hệ số 0,92.

Điều 9. Quy định nhà có kết cấu chịu lực là khung bê tông cốt thép từ 2 tầng trở lên

1. Quy định chung

a) Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây bằng gạch đặc vữa xi măng có dầm móng bê tông cốt thép, đảm bảo chịu lực.

b) Tường xây gạch có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm vữa xi măng hoặc vữa tam hợp (chiều cao tường 1 tầng từ 3,3m đến 4m), có giằng tường bê tông cốt thép, tường trát vữa xi măng hoặc vữa tam hợp, quét vôi ve 3 nước (1 nước trắng 2 nước màu).

c) Khung bê tông cốt thép và sàn mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ đảm bảo chịu lực.

2. Quy định bồi thường

a) Nhà khung bê tông cốt thép mái bằng tường xây gạch có chiều dày tường 110mm hoặc 220mm được bồi thường theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

b) Diện tích để tính bồi thường bằng diện tích xây dựng tầng 1 cộng với diện tích sàn của các tầng còn lại.

c) Giá từ tầng thứ 2 trở lên áp dụng như giá tầng 1 nhân với hệ số 0,9. Giá tầng trên cùng nếu mái lợp bằng fibrô xi măng, mái ngói hoặc mái tôn thì giá phần diện tích tầng đó được áp dụng giá nhà mái bằng 1 tầng (tường chịu lực) nhân hệ số 0,7.

Điều 10. Quy định nhà sàn có kết cấu bằng bê tông cốt thép

Nhà sàn có kết cấu móng, cột, dầm, sàn, xà, kèo bằng bê tông cốt thép (hoặc sàn bằng ván dày 1,5cm - 2cm); nền bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng; mái lợp cọ, mái fibrô xi măng, mái ngói hoặc mái tôn; vách lợp ván có kèm cửa đi, cửa sổ. Giá bồi thường được quy định trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

Điều 11. Quy định công trình xây dựng khác

1. Công trình xây dựng: Tường rào, bể chứa nước, cống, giếng khoan, giếng đào, sân, đường đi, rãnh thoát nước. Giá bồi thường được quy định trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

2. Các công trình phụ trợ: Các công trình phụ trợ có kết cấu tương đương với các loại nhà quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 của quy định này thì áp dụng giá bồi thường theo giá nhà tại các điều trên nhân với hệ số 0,9. Ngoài ra về chiều cao cũng phải áp dụng việc giảm trừ hoặc cộng thêm theo quy định.

3. Các công trình phụ trợ có chiều cao $\leq 2,5m$ thì không tính bồi thường theo diện tích sàn hoặc diện tích xây dựng, mà chỉ tính tổng giá trị của các khối lượng xây lắp cấu thành, theo đơn giá quy định.

Điều 12. Bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản

1. Các loại công trình được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản

a) Nhà tạm (Gỗ bất cập phân loại nhóm, tranh, tre, nứa, lá, nền đất không bó vữa).

b) Nhà mộc kỹ: Nhà mộc kỹ (Cột tròn hoặc vuông), gỗ nhóm 4-6 mái ngói; nhà mộc kỹ mái lợp fibrô, lợp cọ, lợp gianh.

c) Nhà cột bê tông cốt thép mái lợp cọ, lợp gianh, lợp fibrô hoặc lợp tôn vách toóc xi.

d) Nhà sàn, gỗ nhóm IV đến nhóm VI mái lợp ngói, sàn tre, diềm bầm, vách nứa: Cột gỗ vuông; cột gỗ tròn.

đ) Nhà sàn, gỗ nhóm IV đến nhóm VI mái lợp fibrô, mái cọ, sàn tre, diềm bầm, vách nứa: Cột gỗ vuông; cột gỗ tròn.

e) Nhà khung thép có kết cấu cột, dầm, xà, kèo bằng thép hình các loại, mái lợp fibrô xi măng, mái tôn; vách tôn có kèm cửa đi, cửa sổ.

g. Công trình phụ có mái che khác có kết cấu tương ứng các loại nhà trên.

h. Lều quán bằng tranh, tre, nứa lá có khả năng sử dụng < 5 năm.

2. Quy định bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản

a) Các loại công trình quy định tại khoản 1 sẽ được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

b) Trường hợp các loại công trình trên nếu lợp ván hoặc lát ván sàn dày 1,5cm- 2cm, nhà vách trát toóc xi thì giá trị nhà được cộng thêm diện tích lợp ván, lát ván sàn hoặc trát toóc xi nhân với đơn giá trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

c) Riêng nhà cột bê tông cốt thép mái lợp cọ, lợp gianh, lợp fibrô hoặc lợp tôn vách toóc xi được áp dụng đơn giá nhà mộc kỹ mái lợp cọ, lợp gianh hoặc lợp fibrô nhân với hệ số $K = 1,2$ và Công trình phụ có mái che khác nhân với hệ số 0,9.

Điều 13. Bồi thường các vật kiến trúc

1. Hệ thống điện chiếu sáng, điện thoại và thiết bị phục vụ sinh hoạt

a) Hệ thống điện nhà mái lợp, mái bằng được bồi thường theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

b) Đối với hệ thống dây điện và thiết bị ngầm, chôn tường, sàn đơn giá bồi thường đối với nhà mái bằng được nhân với hệ số 1,3.

c) Bồi thường khi phải di chuyển công tơ theo đơn giá được quy định của Công ty Điện lực. Bồi thường 50% giá trị cột điện, đường dây cấp điện theo thực tế.

d) Bồi thường khi phải di chuyển điện thoại cố định, đường dây mạng Internet theo đơn giá quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ.

đ) Các thiết bị điện, thiết bị vệ sinh phục vụ sinh hoạt là các loại thông dụng, phổ biến và được sử dụng đa số trong thực tế, lưu hành rộng rãi trên thị trường được bồi thường theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

2. Đối với cấp, thoát nước trong và ngoài nhà

a) Hệ thống cấp, thoát nước trong nhà đã được tính toán trong đơn giá nhà/1m² xây dựng.

b) Hệ thống đường ống cấp nước và thoát nước ngoài nhà được bồi thường theo thực tế tại công trình, đơn giá bồi thường căn cứ đơn giá xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái công bố; công bố giá của Sở Xây dựng có hiệu lực tại thời điểm và giá khảo sát thị trường tại thời điểm. Đối với hệ thống đường ống cấp nước và đồng hồ đo nước ngoài nhà nếu sử dụng của đơn vị cung cấp nước sạch thì theo đơn giá hợp đồng của đơn vị cấp nước.

3. Giếng nước

a) Giếng đào đất đường kính $\leq 1\text{m}$ độ sâu từ 1- 3m.

b) Giếng đào đất đường kính $> 1\text{m}$ độ sâu từ 1- 3m.

c) Giếng đào đất được quy định tại điểm a, b điều này được bồi thường theo Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường. Nếu giếng đào đất có độ sâu lớn hơn quy định tại điểm a, b điều này thì được nhân với hệ số K điều chỉnh như sau: Độ sâu từ 3 - 6m: $K = 1,2$; Độ sâu từ 6m trở lên: $K = 1,5$.

d) Phần xây giếng tính bồi thường như các kết cấu xây dựng.

4. Ao hồ

a) Khối lượng đào đắp ao hồ phải căn cứ vào cao độ đất tự nhiên trước khi đào để đắp bờ giữ nước. Cần tính khối lượng đắp bờ, xác định độ cao đắp từ đó mới xác định chiều sâu của ao để tính khối lượng đất đào hợp lý. Nếu ao sử dụng địa hình thiên nhiên cần phải xác định tỷ lệ giảm khối lượng đào phù hợp điều kiện cụ thể đối với các loại đất như sau: Đất đào, đất đắp, đắp bờ ngăn khe (khối lượng đắp bờ).

b) Công trình cấp thoát nước trong ao, hồ, tính bồi thường như các kết cấu xây dựng.

5. Bể chứa nước

a) Bể chứa nước có kết cấu đáy đổ bê tông dày 100mm hoặc xây gạch đảm bảo chịu lực, đáy láng vữa xi măng dày 2cm có đánh màu. Tường bể bằng bê tông dày 100mm hoặc xây bằng gạch đặc vữa xi măng, trát vữa xi măng trong và ngoài, phía trong có đánh màu.

b) Bể chứa nước được tính đơn giá riêng cho từng kết cấu cụ thể (Đáy bể: Đổ bê tông dày 100mm; hoặc xây gạch 1 lớp hoặc xây gạch 2 lớp; Thành bể: Xây tường dày 110mm; xây tường dày 220mm; Trát tường bể có đánh màu, trát tường bể không đánh màu; Láng bể có đánh màu; Đào đất xây bể nếu bể xây chìm).

Điều 14. Bồi thường di chuyển mồ mả

1. Những quy định chung

a) Người có mồ mả mà phải di chuyển thì được bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới.

b) Giá trị bồi thường = giá trị đất được bố trí di chuyển đến + đơn giá bồi thường trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường.

c) Giá trị đất được bố trí di chuyển đến là số tiền thực tế phải chi trả cho diện tích đất được bố trí tại nghĩa trang địa phương theo quy định.

d) Đơn giá bồi thường bao gồm: chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp.

2. Loại đã sang cát

a) Loại không xây.

b) Loại xây gạch, đá, bê tông: Diện tích xây $\leq 1\text{m}^2$; Diện tích xây $> 1\text{m}^2$ và nhỏ hơn hoặc bằng 2m^2 ; Diện tích xây $> 2\text{m}^2$.

3. Loại chưa sang cát

- a) Loại hơn hoặc bằng 3 năm nhưng chưa sang cát.
- b) Loại chưa đến kỳ sang cát (< 3 năm) nếu phải di chuyển.
- c) Trường hợp đặc biệt khác Hội đồng bồi thường lập dự toán trình duyệt riêng.

Điều 15. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản, hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh (nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh) thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt. Trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập biên bản kiểm tra hiện trạng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thu hồi đất và nơi sẽ lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức xác định chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; chi phí thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo phương pháp lập hoặc thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ tư cách pháp nhân lập dự toán. Trên cơ sở đó, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi cơ quan tài nguyên môi trường (thuộc cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) chủ trì phối hợp với các cơ quan khác có liên quan thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 16. Một số quy định khác

1. Các công trình nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc chưa có trong quy định này, thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào điều kiện thực tế địa phương, căn cứ vào các bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Yên Bái và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái để tính toán xác định đơn giá, trình cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo phân cấp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Hệ số bồi thường đối với các công trình xây dựng kiên cố (Kết cấu xây dựng bằng gạch, đá, bê tông cốt thép) trong Bộ đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm bồi thường ở các khu vực trong tỉnh Yên Bái được áp dụng như sau:

- a) Khu vực 1: Có hệ số bồi thường bằng 1 bao gồm: Thành phố Yên Bái, huyện Trấn Yên, huyện Yên Bình, huyện Văn Yên.
- b) Khu vực 2: Có hệ số bồi thường bằng 1,1 khu vực 1 bao gồm: Huyện Lục Yên, huyện Văn Chấn, thị xã Nghĩa Lộ.
- c) Khu vực 3: Có hệ số bồi thường bằng 1,2 khu vực 1: Huyện Trạm Tấu.
- d) Khu vực 4: Có hệ số bồi thường bằng 1,3 khu vực 1: Huyện Mù Cang Chải.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

1. Các trường hợp đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định này.

2. Các trường hợp đã lập phương án bồi thường và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh các ý kiến kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.